

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ LÁCH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 13/02/2019.
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Phận.
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tùng.
2. Bà Bùi Thị Thúy Bắc.

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Ngọc Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Ngày 13 Tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 375/2018/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐST - HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Chị Huỳnh Đào Thanh T - Sinh năm: 1987; địa chỉ: ấp TĐ, xã TP, huyện CT, tỉnh Bến Tre (vắng mặt - Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

* ***Bị đơn:*** Anh Trang Sĩ T - Sinh năm: 1981; địa chỉ: ấp SC, xã SĐ, huyện CL, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Huỳnh Đào Thanh T trình bày:

Năm 2011 chị Huỳnh Đào Thanh T và anh Trang Sĩ T có tiến đến hôn nhân, hôn nhân giữa anh chị là tự nguyện, anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức lễ cưới anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do bất đồng trong đời sống nên anh chị thường xảy ra cãi vã và đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay chị Huỳnh Đào Thanh T yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh Trang Sĩ T là vợ chồng.

Về con chung: Chị Huỳnh Đào Thanh T và anh Trang Sĩ T có 01 người con chung là Trang Huỳnh L - Sinh ngày 08/9/2012 hiện nay cháu L đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con mà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, về nợ: Chị Huỳnh Đào Thanh T khai không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là anh Trang Sĩ T vắng mặt mà không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do các bên tranh chấp và nguyên đơn có đơn khởi kiện nên Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:* Việc kết hôn giữa chị T và anh T là tự nguyện, anh chị có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Do vậy, hôn nhân giữa anh chị là không hợp pháp nên không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Căn cứ khoản 1 Điều 9 luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết 35/2000/NQ - QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng là phù hợp.

Về con chung: Chị Huỳnh Đào Thanh T và anh Trang Sĩ T có 01 người con chung là Trang Huỳnh L - Sinh ngày 08/9/2012.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh T vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản hay yêu cầu gì đối với người con chung này nên không xem xét. Trong khi đó từ khi chị T, anh T sống ly thân đến nay thì cháu L do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Do vậy, cần giao cháu L cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, về nợ: Chị T khai không có và anh T vắng mặt mà không gửi cho Tòa án văn bản hay yêu cầu gì liên quan đến tài sản, nợ nên không xem xét.

Về án phí: Các đương sự phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86 của Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 35/2000/NQ - QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội.

Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không công nhận chị Huỳnh Đào Thanh T và anh Trang Sĩ T là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Giao cháu Trang Huỳnh L - Sinh ngày 08/9/2012 cho chị Huỳnh Đào Thanh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lợi dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung chị T, anh T có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản, về nợ*: Chị T khai không có và anh T vắng mặt mà không gửi cho Tòa án văn bản hay yêu cầu gì liên quan đến tài sản, nợ nên không xem xét.

4. *Về án phí sơ thẩm*: Chị Huỳnh Đào Thanh T phải nộp 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0020343 ngày 06/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Chị Huỳnh Đào Thanh T đã nộp đủ án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện CL;
- Chi cục THADS huyện CL;
- Phòng KTNV và THAHS - TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã (nơi cấp giấy chứng nhận kết hôn);
- Lưu hsva, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Văn Phận